

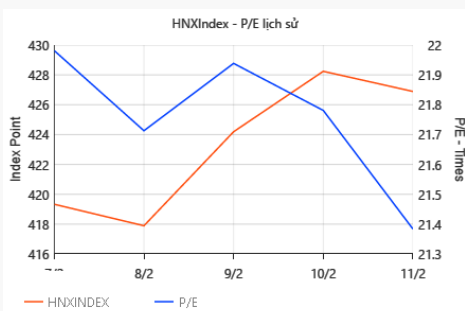


VN-INDEX



Điểm số	1,501.71
Tuần qua (WoW)	1.54%
Từ đầu năm (YTD)	0.23%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-8.00%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-0.59%
P/E	17.17
P/B	2.66

HNX -INDEX



Điểm số	426.99
Tuần qua (WoW)	2.46%
Từ đầu năm (YTD)	-9.92%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-13.95%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-11.89%
P/E	21.38
P/B	2.41

SẴN SÀNG CHO NHỊP RUNG LẮC

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Việc dòng tiền đầu cơ nóng sau khi đã nguội đi trong các tuần trước tết đã tạo điều kiện để các cổ phiếu có kết quả kinh doanh tích cực có thể thu hút dòng tiền dù sự thận trọng vẫn đang chiếm ưu thế trên thị trường. Nhìn chung, các cổ phiếu duy trì đà tăng trưởng tốt hoặc có đột phá kinh doanh đều đang giữ ở một vùng giá không quá rẻ so với lịch sử dù đều đã điều chỉnh ít nhiều trong nhịp chỉnh vừa qua của thị trường. Câu chuyện lựa chọn cổ phiếu sẽ cần hướng tới giai đoạn phục hồi kinh tế sau dịch dựa trên 2 nguồn thông tin quan trọng: đà tăng trưởng tính đến hiện tại và kế hoạch kinh doanh trong năm 2022. Rủi ro từ dịch bệnh vẫn còn cao nhưng tỷ lệ tiêm chủng cao đang giảm bớt đi rủi ro về các diễn biến bất thường (ví dụ cách ly toàn xã hội của dịch bệnh) và khiến nhiều doanh nghiệp tự tin hơn trong việc lên kế hoạch kinh doanh năm tới đây.

Ngân hàng là một trong những nhóm thể hiện rõ nhất khả năng hút tiền nhờ kết quả kinh doanh tích cực. Chúng tôi cũng có thêm 1 khuyến nghị mua với TCB trong tuần.

Trên bình diện quốc tế, áp lực điều chỉnh tại Mỹ và các thị trường lớn, căng thẳng tại Ukraine (ảnh hưởng tới giá dầu) sẽ là 2 rủi ro chính nhiều nhà đầu tư cần theo dõi trong tuần tới.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường diễn biến tích cực về mặt điểm số của chỉ số chung nhưng bên trong là sự phân hóa rất mạnh, dòng tiền cũng cho thấy tâm lý thận trọng. Chiến lược vẫn tiếp tục là: Ưu tiên cơ cấu lại danh mục cho phù hợp với diễn biến của dòng tiền trên thị trường. Tỷ trọng cổ phiếu giữ nguyên hoặc gia tăng tùy vào mức độ chịu rủi ro.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Nắm giữ & Danh mục Giao dịch: Mã TCB được thêm mới vào Danh mục Nắm giữ.

Lưu ý: Do HOSE ngừng cung cấp gói thông tin về giao dịch tự doanh sau ngày 11/2/2022, chúng tôi sẽ không thể cập nhật dữ liệu thị trường về hoạt động này trong các báo cáo tiếp theo.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	20.1%		2.5%
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%		10.6%	178.1%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	4.3%		10.8%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	14.3%		16.5%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%		18.3%	197.8%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%		3.2%	38.0%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%		2.8%	37.2%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		94.6%	123.2%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		98.7%	122.9%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%		22.6%	98.3%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		48.4%	160.3%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%		4.2%	168.2%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%		48.3%	88.6%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		67.7%	116.7%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%		24.8%	105.5%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%		1.6%	23.5%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	11.1%		30.6%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 – 27,200	45,200	21,100	1:3	-17.3%
TNG	24/08/21	25,060 – 26,450	34,780	23,600	1:3	16.8%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	0.6%
BWE	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	30.3%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	41.4%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	13.2%
VND*	09/06/21	32,280 – 35,100	50,140	29,460	1:2.7	103.7%
DPG*	31/05/21	27,500 – 28,929	43,571	25,000	1:4	112.2%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	15.1%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	24.7%
SSI*	20/05/21	25,100 – 26,950	35,250	23,100	1:2	67.3%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	10.0%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	68.9%
SMC*	11/05/21	34,800 – 37,500	50,000	31,000	1:2	5.9%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	73.9%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	38.1%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	68.1%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	75.3%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-19.3%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	18.0%
GEG	08/03/21	16,550 – 17,650	25,700	15,455	1:4	41.6%
FCN	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	55.8%
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	21.0%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	195.7%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	32.9%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	50.0%
CCL*	17/02/21	10,000 – 11,000	18,000	8,700	1:3	37.7%
SAM*	17/02/21	10,730 – 11,590	21,555	9,770	1:5	73.0%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	64.1%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	45.2%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	21.9%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	133.5%
PGV*	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	187.2%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	220.2%
DRI*	20/10/20	4,430 – 4,930	9,930	3,630	1:4	202.2%



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

TRONG NƯỚC

Thị trường có một tuần tăng điểm khá hưng phấn sau khi trở lại giao dịch sau kỳ nghỉ tết. Nhiều cổ phiếu điều chỉnh sâu đã hồi phục trở lại trong tuần qua, nhóm này chủ yếu là Mid và Small-cap khi chỉ số VN70 và VN-Smallcap đều tăng mạnh 3.4% và 6.5% trong tuần. Dù vậy thì thanh khoản không hề được cải thiện thậm chí còn suy giảm so với trước kỳ nghỉ Tết. Việc dòng tiền thận trọng là tương đối dễ hiểu và nằm trong dự đoán.

Trong nhóm trụ, đà rơi điểm của VIC là lấy rất nhiều điểm số của thị trường (2/3 mức giảm trong tuần của VN-Index đến từ VIC khi mã này giảm 15.8% trong tuần). Sau khi công bố kết quả kinh doanh bị lỗ do mảng xe xăng cổ phiếu VIC đang chịu áp lực bán mạnh do lo ngại việc cắt margin từ công ty chứng khoán cũng như khả năng bị loại khỏi VN30 và chịu thêm lực bán của các quỹ ETF. Áp lực từ VIC nhiều khả năng sẽ duy trì trong tuần tới.

Bên cạnh các mã vốn hóa nhỏ và vừa, lực cầu bắt đáy cũng xuất hiện tại một nhóm cổ phiếu lớn là Thép sau thời gian điều chỉnh khá dài trước đó với HSG, NKG và HPG. Bên cạnh đó là nhóm Hóa chất với LAS, CSV.

Khối ngoại vẫn duy trì vị thế bán ròng mạnh của mình và đà bán ròng chưa cho thấy bất kỳ khả năng nào sẽ đảo chiều.

VĨ MÔ

Trong số liệu vĩ mô tháng 1 do Tổng cục thống kê công bố, các hoạt động chính trong nền kinh tế như sản xuất và tiêu dùng vẫn duy trì được đà hồi phục dù tốc độ không phải là quá cao. Doanh số bán lẻ chỉ vừa đạt mức tăng trưởng dương (1.3%). Chỉ số ngành công nghiệp tăng trưởng thấp so với cùng kỳ nhưng lại giảm đáng kể cho với tháng 12, PMI vẫn duy trì trên 50.

Hoạt động sản xuất chậm lại tại các doanh nghiệp FDI trong tháng 1 vừa qua là nguyên nhân khiến cho tốc độ tăng trưởng xuất khẩu từ nhóm quan trọng này bị âm trong tháng 1. Sức ép lạm phát khiến các gói kích thích đang bị rút dần về đang tác động đến người mua quan trọng nhất của Việt Nam.

Lạm phát bình ổn, thanh khoản hệ thống tiền tệ dồi dào, đồng tiền VND quay trở lại mạnh lên so với USD sau đi đã suy yếu vào cuối năm 2021.

Điểm tích cực là tốc độ giải ngân vốn đầu tư công đã tăng trở lại sau nhiều tháng. Dù đây mới chỉ là phần thực hiện tại các công trình chuyển tiếp, chưa có dự án mới nhưng sự hồi phục này cũng cho thấy sự cải thiện trong hoạt động giải ngân. Tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công sẽ là nút thắt quyết định sức ảnh hưởng, tạo đà hồi phục kinh tế của các gói kích thích trong 2 năm tới.

QUỐC TẾ

Lạm phát vẫn rất nóng tại Mỹ với mức tăng tới 7.5% trong tháng một vừa qua, kỷ lục trong vòng 40 năm, và chưa cho thấy bất kỳ dấu hiệu hạ nhiệt nào. Thị trường hiện đã bắt đầu đặt cược vào khả năng FED sẽ phải nâng lãi suất nhiều hơn dự kiến. Trái phiếu chính phủ nhiều quốc gia hiện đều đang chịu áp lực bán

mạnh. Tất cả các trái phiếu của Đức đều đang có lợi suất dương trong khi tất cả đều âm trước lễ Giáng sinh, lãi suất trái phiếu 10 năm của Ý nhảy từ 1.33% lên 1.94%, lãi suất trái phiếu của Nhật bản đang ở mức cao nhất kể từ 2016 – buộc NHTW nước này thông báo sẽ mua vào không hạn chế lãi suất trái phiếu 10 năm tại 0.25% (giá trái phiếu giảm mạnh tương ứng với đó là lợi suất tăng mạnh). Tại Mỹ, lợi suất trái phiếu 2 và 10 năm cũng có mức tăng kỷ lục trong tuần.

Giá dầu liên tục mạnh lên, đạt đỉnh từ 2014 tới nay trong khi cổ phiếu chịu áp lực với căng thẳng leo thang tại Ukraine. Hiện tại đã có thông tin Mỹ và Anh rút quân khỏi Ukraine do lo ngại Nga sẽ tấn công. Chúng tôi không có khả năng dự đoán diễn biến này và cho rằng phần lớn nhà đầu tư tổ chức và cá nhân tại Việt Nam cũng khó có cơ sở để đánh giá. Do đó, việc mua vào nhóm cổ phiếu dầu khí dựa vào việc giá dầu tăng cao do cuộc khủng hoảng tại Ukraine có rủi ro cao.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)



Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 1.5%, mở cửa tuần cao hơn hẳn so với tham chiếu và cao hơn mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Thị trường trở lại sau kì nghỉ với mở cửa hưng phấn và dù sau đó giữ được khoảng gap này cho đến khi đóng cửa ngày thứ hai nhưng mức đóng cửa lại thấp hơn mức mở cửa, khối lượng giao dịch cũng rất thấp cho thấy lực mua không lớn. Khối lượng giao dịch được cải thiện trong hai ngày liền sau đó và dù tâm lý trong ngày đã có sự cải thiện khi mức đóng cửa lớn hơn mở cửa và thị trường cũng tăng điểm nhưng biên độ dao động đều hẹp, cho thấy sự giằng co. Sau phiên ngày thứ năm lại chuyển dịch về mặt tâm lý khi mức đóng cửa thấp hơn mở cửa thì VNINDEX đã giảm trong ngày thứ sáu cuối tuần.

Nhìn chung thì khối lượng giao dịch của cả tuần là thấp, cho thấy hoạt động ở các nhóm vốn hóa vừa và nhỏ là kém sôi động, trong khi tình hình trong nhóm vốn hóa lớn đại diện bởi VN30 thì lại sôi động hơn nhiều. Bối cảnh hiện tại về cơ bản là dòng tiền thận trọng, các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ phân hóa khi một bộ phận vẫn tiếp tục xu hướng giảm trong khi một số khác đã cho thấy sự cân bằng, còn các cổ phiếu vốn hóa lớn diễn biến tích cực hơn nhưng cũng không quá hưng phấn.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,440 – 1,450
Kháng cự	1,560 – 1,570

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

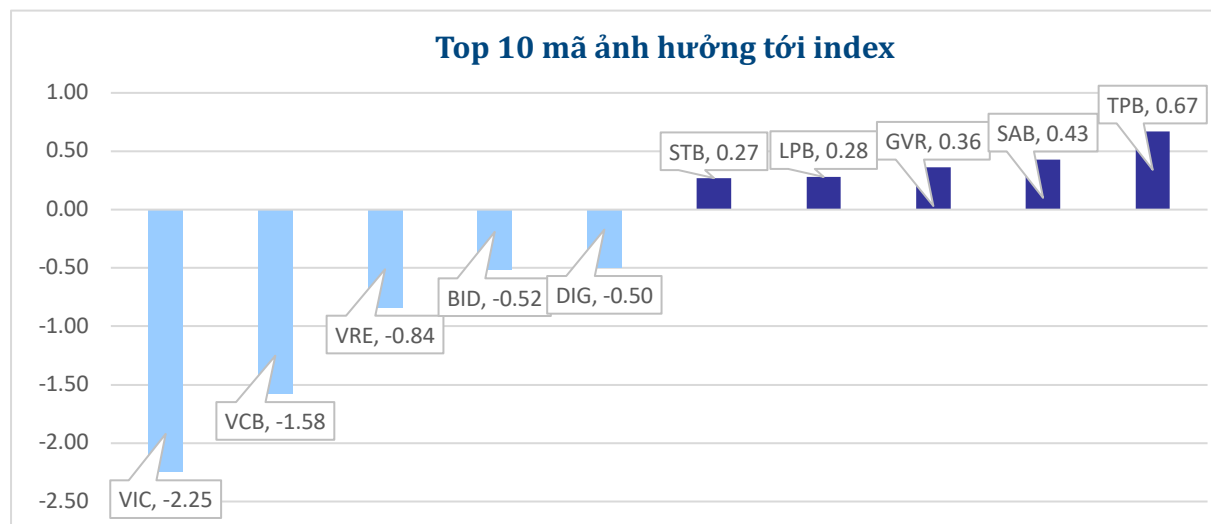
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,501.71	-0.34%	-5.08	636.28	21,619.8	211	58	226
Vn30 - Index	1,545.92	-0.20%	-3.03	195.96	9,459.3	12	2	16
Vn - Mid	2,094.46	0.36%	7.52	227.89	8,151.9	36	6	28
VN - Small	1,970.30	0.34%	6.72	124.90	2,789.2	98	27	103
HNX - Index	426.89	-0.31%	-1.35	70.94	1,962.2	128	55	158
Upcom - Index	112.54	-0.09%	-0.10	94.72	1,354.2	229	103	175

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	21,619.80	-1.49%	636.28	-6.46%
HNX	1,962.20	9.31%	70.94	21.35%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN

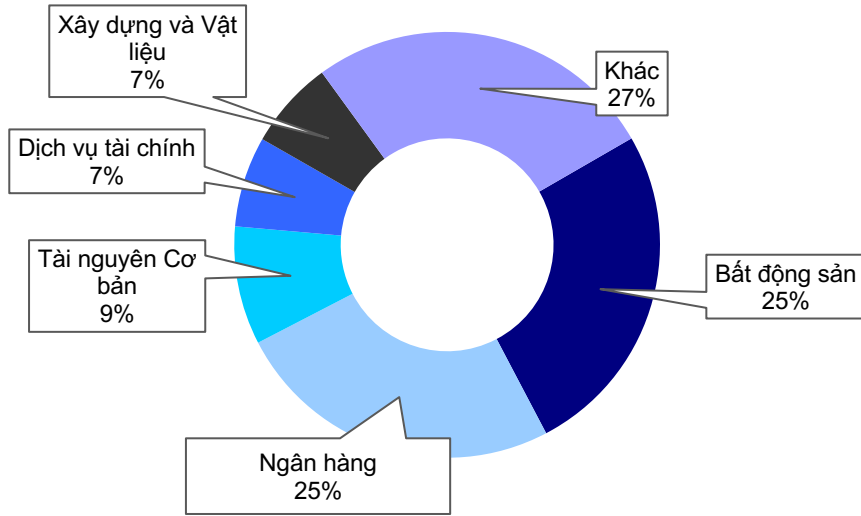


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Độ biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)					
LPB	25.98	HPG	811.4	TCD	350%	IDJ	9.7%	CEO	-8.7%
STB	18.45	KBC	698.9	IDJ	291%	TCD	6.9%	CII	-5.6%
HPG	17.34	TPB	674.9	IPA	248%	DPG	6.6%	DIG	-5.3%
FLC	16.24	LPB	667.5	TCM	235%	ITA	4.1%	VRE	-3.9%
TPB	15.98	VIC	644.4	DPM	204%	TPB	4.0%	HNG	-3.0%

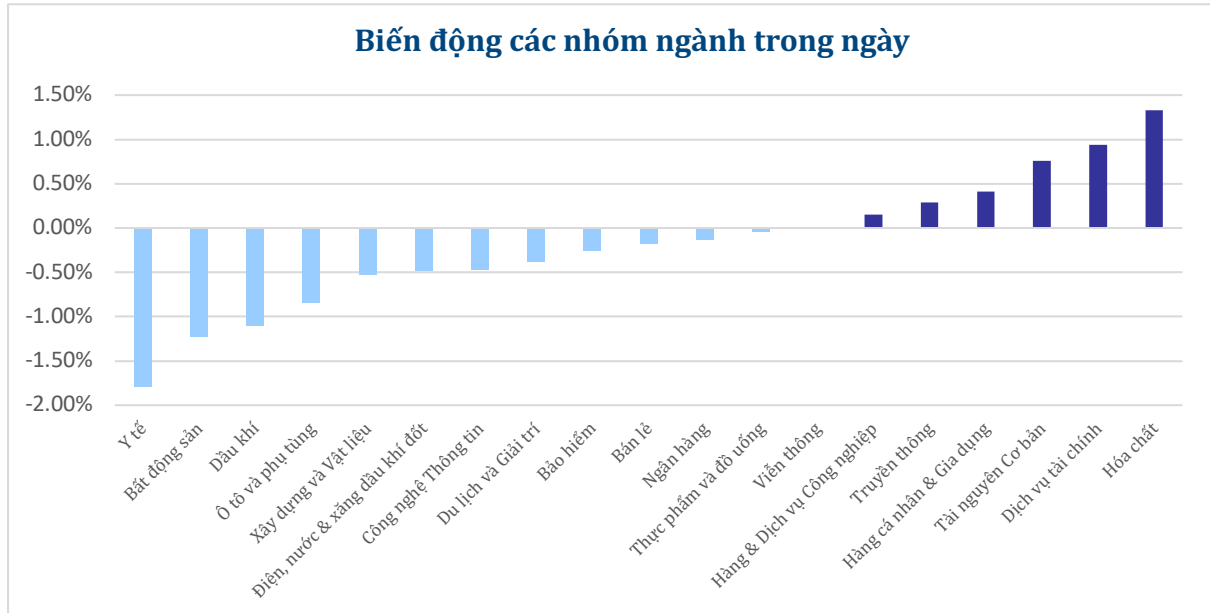


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



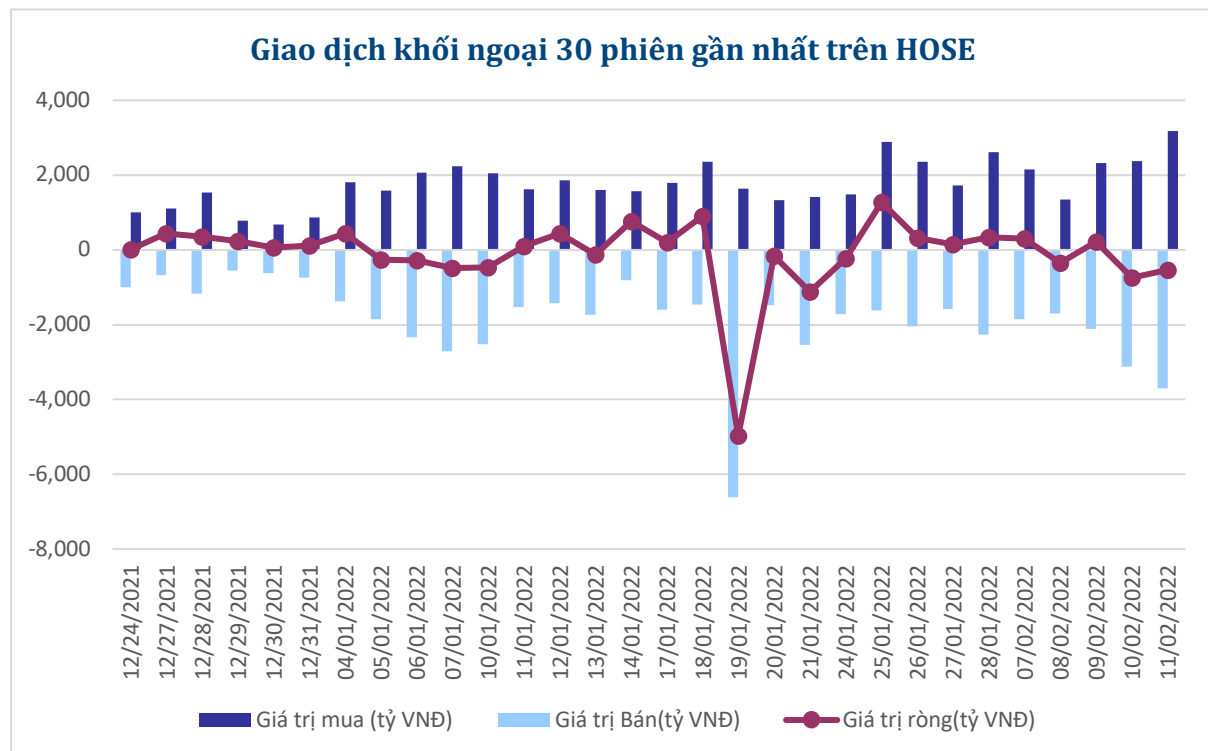
Biến động các nhóm ngành trong ngày



GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

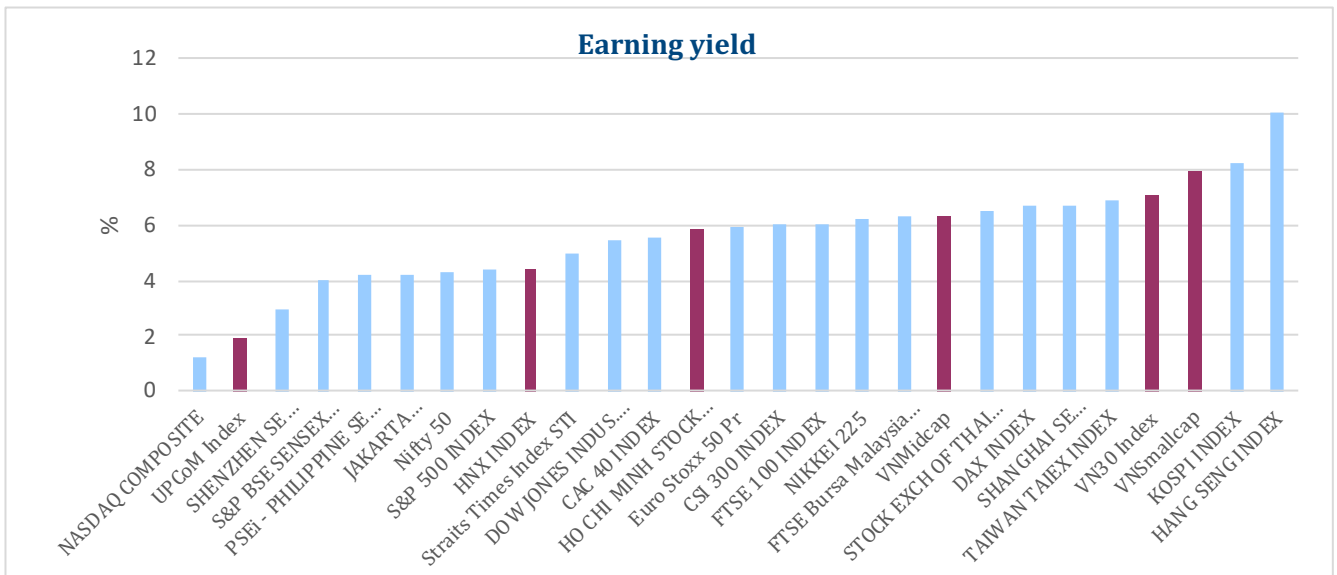
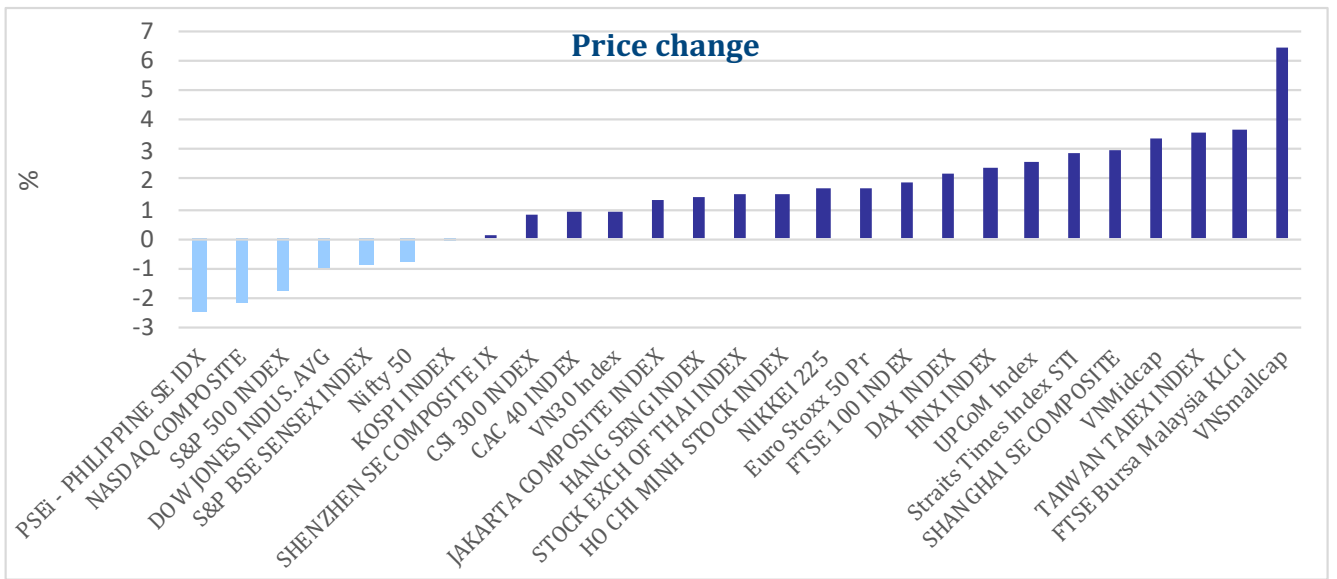
Trên HOSE bán ròng 532.79 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 15.34 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
CTG	35.43	VIC	268.33
GMD	30.65	KBC	52.79
VCB	25.57	VND	42.35
SAB	16.83	SSI	40.60
VGC	16.55	NVL	38.90

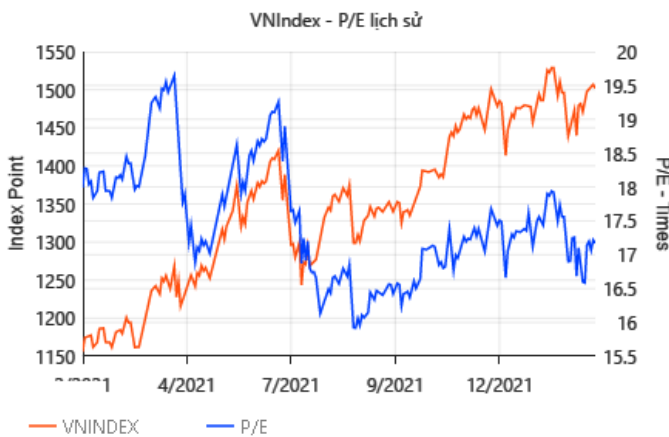




BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

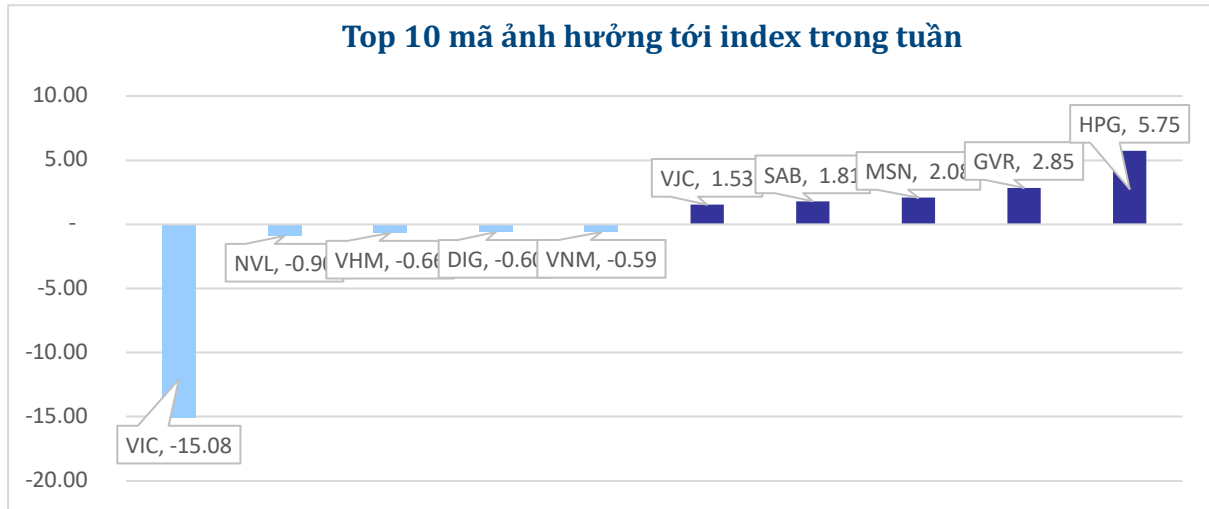


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



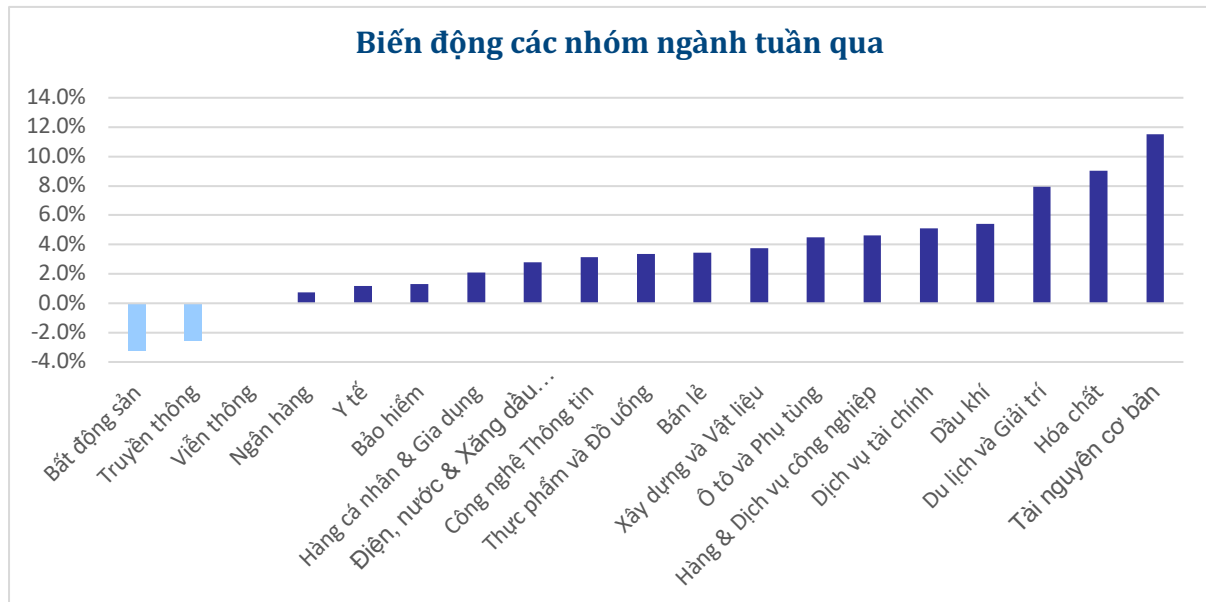


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



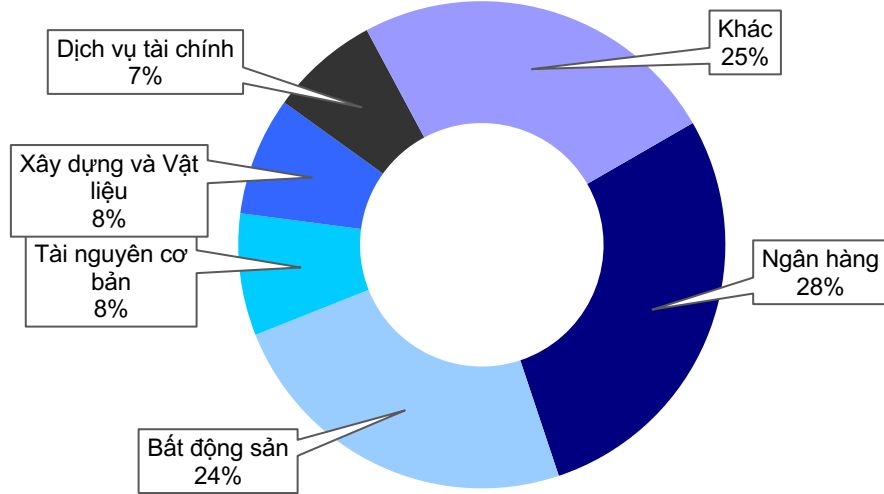
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
FLC	27.7	HPG	1,147.1	FUEVFNVD	3.00x	LAS	36.6%	VIC	-15.8%
HPG	24.9	STB	869.3	HVN	2.54x	NKG	24.8%	CEO	-10.5%
STB	24.6	VIC	747.8	PTC	2.52x	APS	23%	NHA	-9.4%
POW	19.6	TCB	674.5	VIC	2.50x	IDJ	22.4%	L14	-9.2%
MBB	18.9	MBB	638.2	EVS	2.45x	HSG	22.2%	HTP	-6.4%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

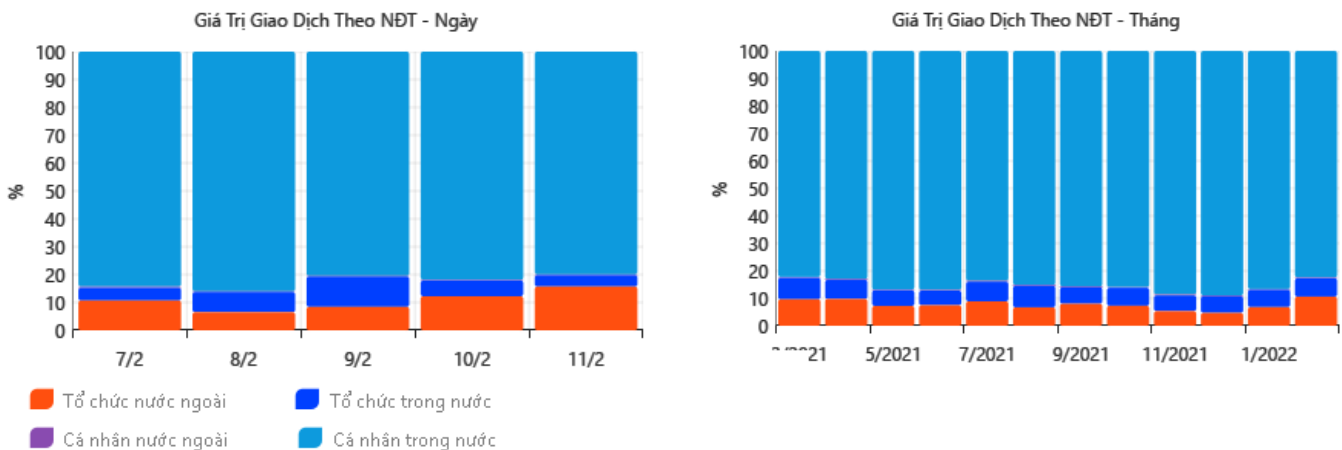


ĐÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	11.73%	8,994.3	VCB	1.12%	3,412.2
STB	-0.70%	8,284.4	HPG	11.73%	3,095.4
MBB	0.74%	6,140.7	VIC	-15.77%	2,613.9
TCB	1.70%	6,030.4	IMP	4.42%	1,996.8
VPB	-0.14%	5,230.7	EIB	-4.41%	1,585.2

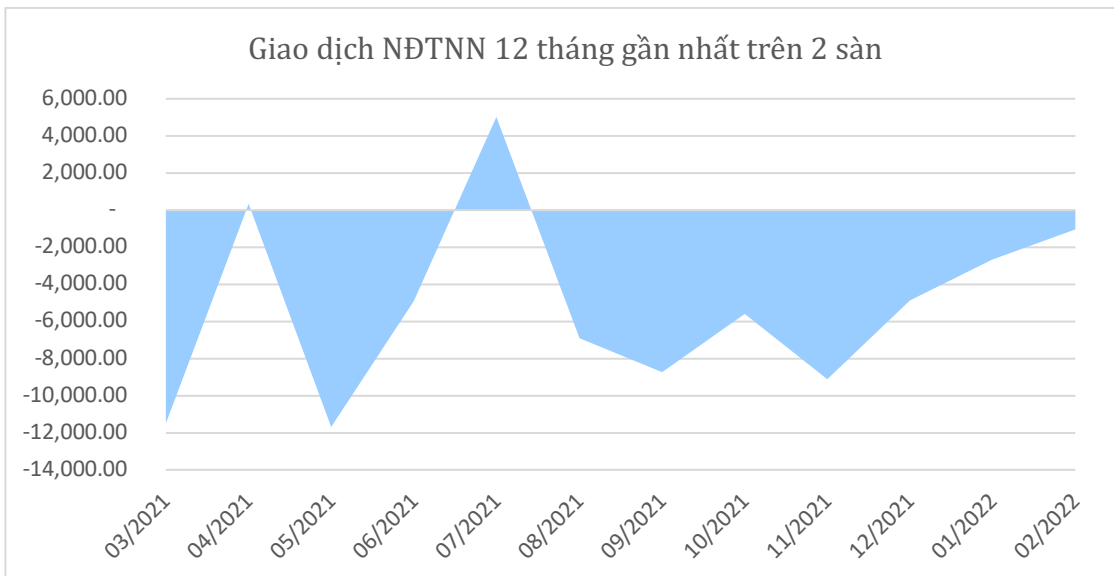
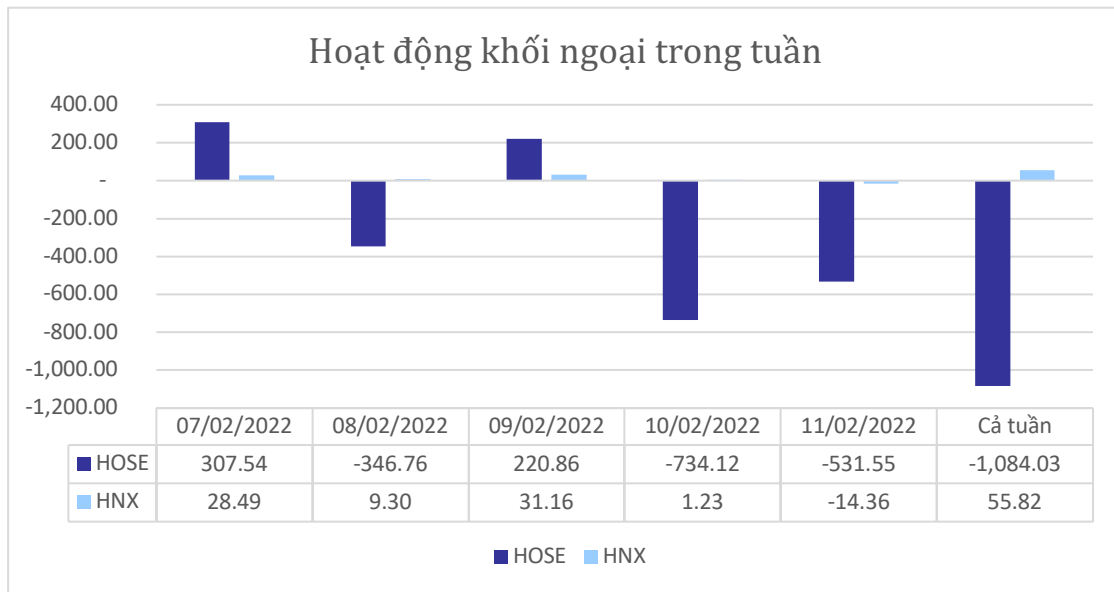
Tỷ trọng giao dịch





KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
FUEVFNVD	2.80%	436.56	VIC	-15.77%	1,604.57
VHM	-0.75%	175.07	HPG	11.73%	320.70
GMD	12.44%	137.82	NVL	-2.25%	201.44
VND	3.62%	124.64	E1VFN30	1.32%	108.66
VCB	1.12%	103.92	VHC	12.13%	60.36

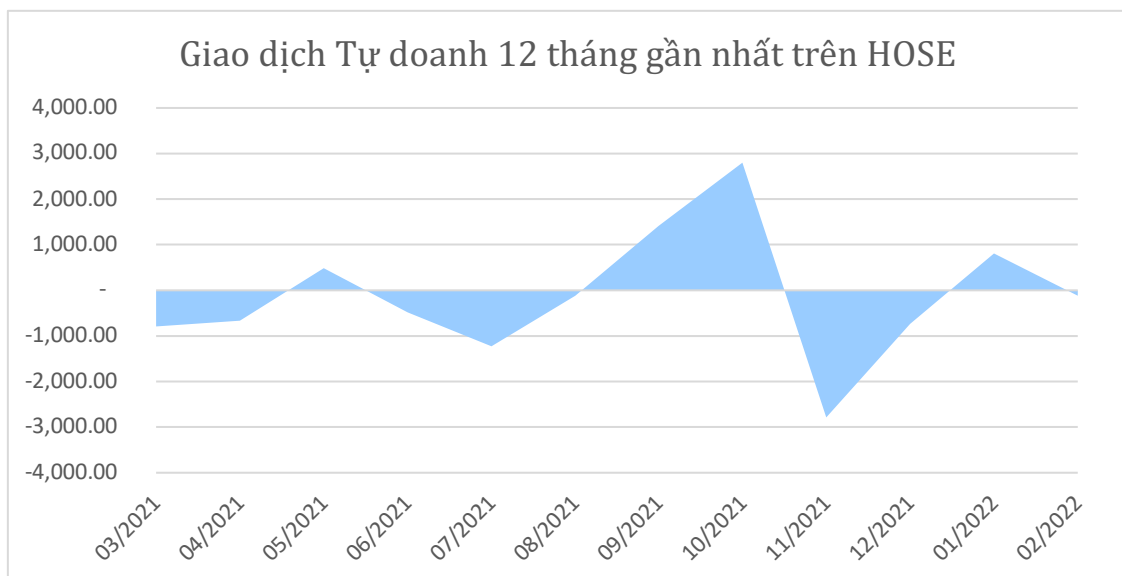
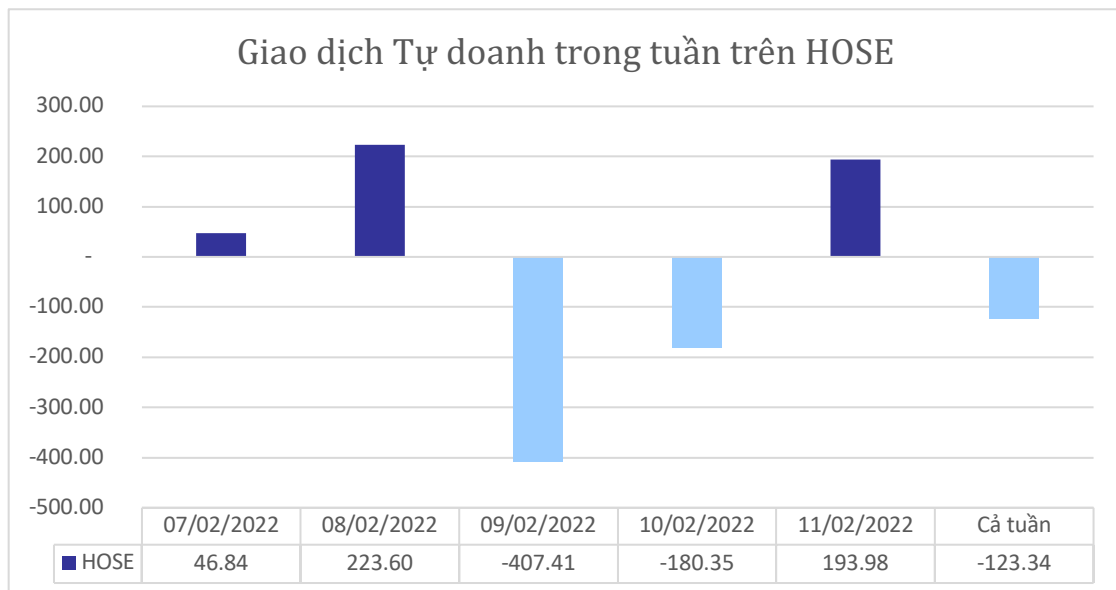




HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH TRÊN HOSE CỦA CÁC CTCK

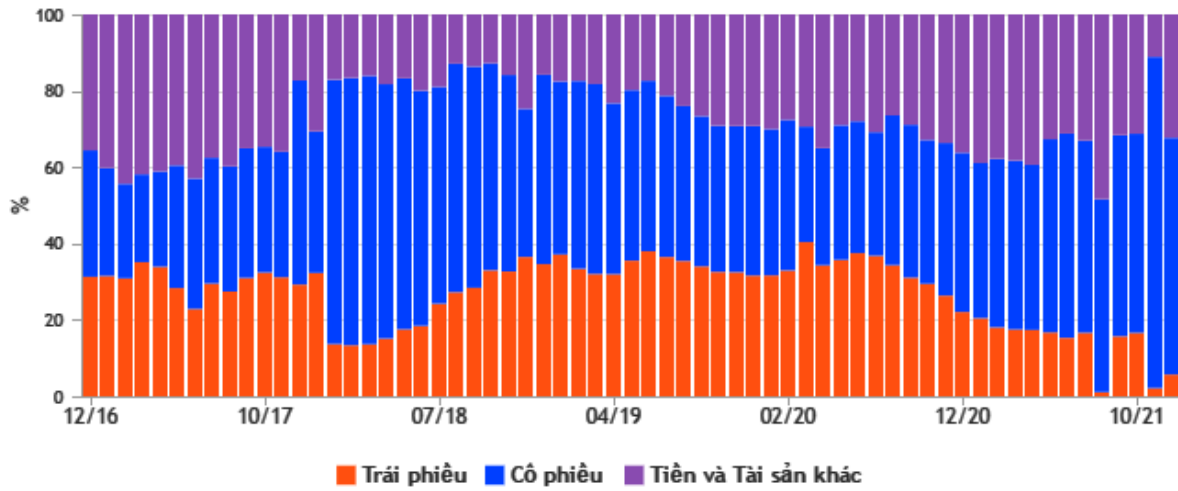
Lưu ý: Do HOSE ngừng cung cấp gói thông tin về giao dịch tự doanh sau ngày 11/2/2022, chúng tôi sẽ không thể cập nhật dữ liệu thị trường về hoạt động này trong các báo cáo tiếp theo.

Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
TCB	1.70%	204.31	FUEVFNVD	2.80%	438.07
E1VFNVD	1.32%	107.42	VIC	-15.77%	87.80
HSG	22.24%	54.11	REE	-1.01%	53.91
OCB	3.44%	45.91	VPB	-0.14%	53.45
FPT	2.35%	44.53	VCB	1.12%	43.67

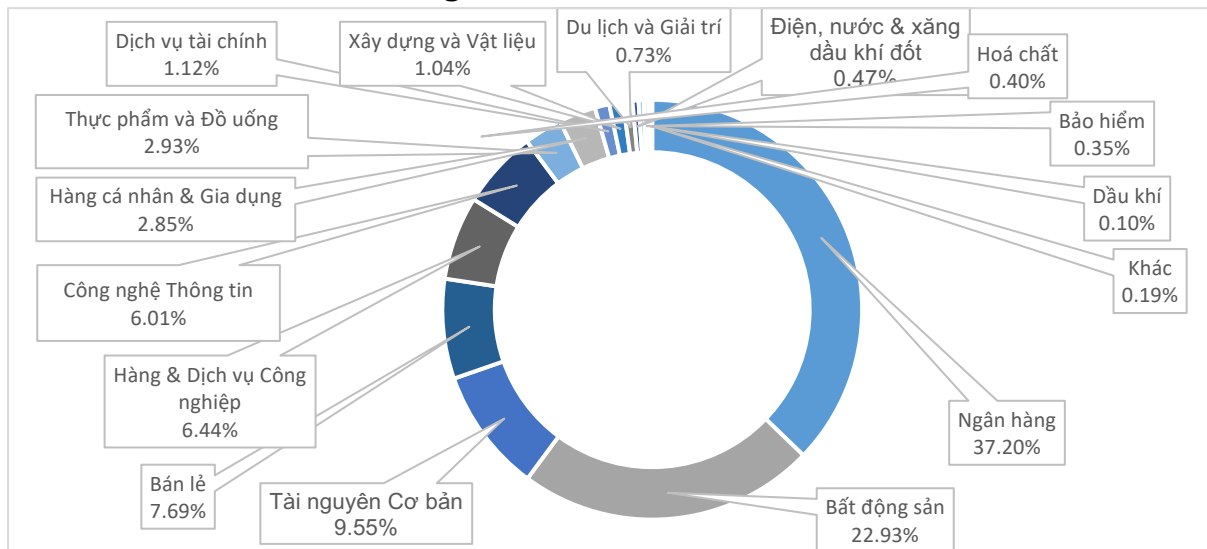


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

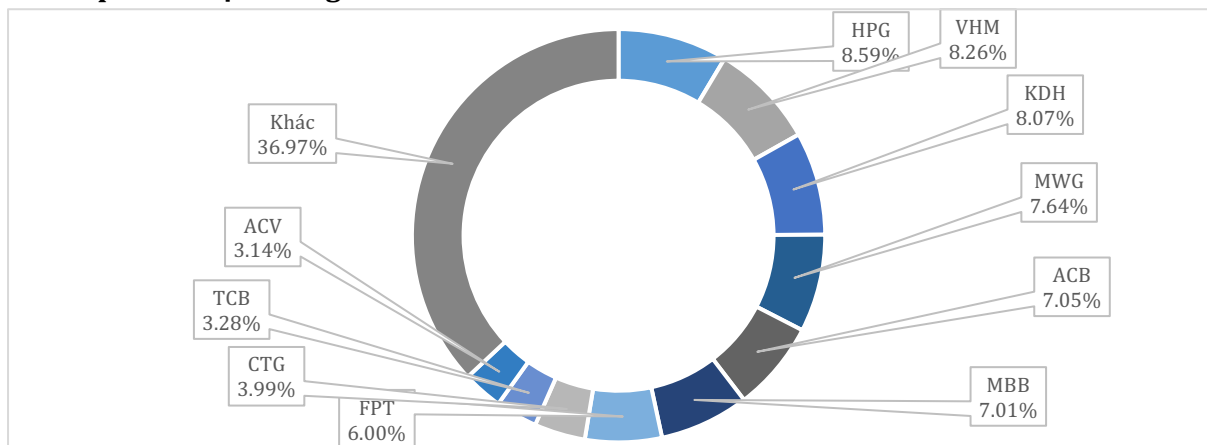
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
HCM	HSX	Giao dịch 152.170.104 cp niêm yết bổ sung		27/01/22	14/02/22
VCB	HSX	Giao dịch 1.023.639.123 cp niêm yết bổ sung			14/02/22
NVL	HSX	Giao dịch 456.815.700 cp niêm yết bổ sung		14/02/22	14/02/22
SCD	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và mời ĐHCĐTN 2022	14/02/22	15/02/22	14/02/22
DHG	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	14/02/22	15/02/22	18/03/22
TVA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/02/22	15/02/22	14/02/22
HLB	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	14/02/22	15/02/22	14/02/22
C69	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/02/22	15/02/22	14/02/22
PAS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/02/22	15/02/22	14/02/22
QNS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/02/22	15/02/22	14/02/22
VIB	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	14/02/22	15/02/22	16/03/22
HPD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/02/22	15/02/22	14/02/22
BSP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/02/22	15/02/22	14/02/22
CTR	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu của Tổng Công ty	15/02/22	15/02/22	15/02/22
SDK	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/02/22	16/02/22	15/02/22
NNG	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	15/02/22	16/02/22	15/02/22
VSC	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	15/02/22	16/02/22	15/02/22
VC9	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	15/02/22	16/02/22	15/02/22
VMC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/02/22	16/02/22	15/02/22
BCG	HSX	Giao dịch 148.768.263 cổ phiếu thay đổi niêm yết (chia 2 đợt)			16/02/22
HHS	HSX	Giao dịch 46.704.090 cp niêm yết bổ sung		16/02/22	16/02/22
PMT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	16/02/22	17/02/22	16/02/22
AAT	HSX	Giao dịch 25.000.000 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			16/02/22
ND2	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	16/02/22	17/02/22	16/02/22
FOX	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	17/02/22	18/02/22	17/02/22
VTR	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/02/22	18/02/22	17/02/22
THP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/02/22	18/02/22	17/02/22
MQN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/02/22	18/02/22	17/02/22
QST	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/02/22	18/02/22	17/02/22
UNI	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/02/22	18/02/22	17/02/22
VC1	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/02/22	18/02/22	17/02/22
APL	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/02/22	18/02/22	17/02/22
AAM	HSX	ĐHCĐ thường niên cho năm tài chính 2021	18/02/22	21/02/22	26/03/22
DBT	HSX	ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2021	18/02/22	21/02/22	30/03/22
WSB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	18/02/22	21/02/22	18/02/22
DGC	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	18/02/22	21/02/22	29/03/22
SMB	HSX	Chi tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021 (1.000 đ/cp)	18/02/22	21/02/22	02/03/22
V12	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	18/02/22	21/02/22	18/02/22
GER	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	18/02/22	21/02/22	18/02/22
DAC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	18/02/22	21/02/22	18/02/22
SHI	HSX	Giao dịch 49.652.206 cp niêm yết bổ sung		10/02/22	18/02/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	701
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	702
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	703
Đình Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	222
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	704
Trần Thị Diệu Khánh	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	khanhttd@gtjas.com.vn	705

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@ivs.com.vn Website: www.ivs.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696